TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU
Bản án số: 86/2026/DS-ST
Ngày 18-3-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Ông Lâm Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị S, sinh năm 1977 (Có mặt)

Căn cước công dân số 096177000567, cấp ngày 09/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Châu H, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm N, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị S trình bày:

Vào ngày 24/9/2024 âm lịch, ông N và bà H có mượn của bà số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thời hạn mượn là 03 tháng, lãi suất do hai bên

thỏa thuận là 20%/năm. Đến hạn nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tính từ ngày 24/9/2024 đến ngày 24/7/2025 âm lịch là 10 tháng với số tiền lãi là 1.666.660 đồng.

Ngày 03/10/2014 âm lịch, ông N và bà H hỏi mượn thêm của bà số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn mượn 03 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận là 20%/năm. Tính từ ngày 03/10/2024 đến ngày 03/8/2015 âm lịch là 10 tháng với số tiền lãi là 833.330 đồng.

Ngày 08/10/2024 âm lịch, ông N và bà H mượn thêm của bà 10.000.000 đồng, thời hạn mượn 03 tháng, lãi suất 20%/năm. Tính từ ngày 08/10/2024 đến ngày 08/8/2025 âm lịch là 10 tháng với số tiền là 1.666.660 đồng.

Tổng số tiền ông N và bà H nợ bà là 29.166.650 đồng, trong đó nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 4.166.650 đồng.

Đã nhiều lần bà đến gặp ông N và bà H để yêu cầu trả lại số tiền đã nợ nhưng ông N và bà H cứ hẹn mà không thực hiện. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông N và bà H trả cho bà tổng số tiền là 29.166.650 đồng, trong đó nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 4.166.650 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà rút lại yêu cầu tính lãi đối với ông N và bà H, bà chỉ yêu cầu ông N và bà H trả cho bà số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án cũng đã triệu tập ông N và bà H để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà H đều vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc: Thụ lý đơn khởi kiện, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về quyền và nghĩa vụ phải thực hiện, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H.

Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị S số tiền vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H về việc buộc ông N và bà H trả số tiền lãi là 4.166.650 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N và bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Cao Thị S với bị đơn bà Trần Thị Châu H là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Châu H có địa chỉ tại ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với ông N và bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Bà Cao Thị S yêu cầu ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H có nghĩa vụ trả cho bà S tổng số tiền nợ 29.166.650 đồng, trong đó nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 4.166.650 đồng - Về số tiền nợ gốc:

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà S có cung cấp cho Tòa án 03 tờ giấy tập có nội dung: "*Chế có mượn Sáng 10.000.000 triệu*", "*Tôi Phạm N có mượn của chế Sáng 10 triệu đồng*", "*Tôi Trần Thị Châu H có mượn của chị S 5.000.000 (Năm triệu đồng*), cuối mỗi nội dung đều có chữ ký của ông N và bà H. Từ đó, cho thấy việc ông N và bà H đã 03 lần mượn tiền của bà S với tổng số tiền 25.000.000 đồng là thực tế có xảy ra nên bà S yêu cầu ông N và bà H có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về phần lãi suất: Tại đơn khởi kiện bà Cao Thị S yêu cầu ông N và bà H trả số tiền lãi là 4.166.650 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà S có yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi đối với ông N và bà S. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc rút lại yêu cầu tính lãi của bà S đối với ông N và bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà S đối với ông N và bà H về việc buộc ông N và bà H trả cho bà S số tiền lãi là 4.166.650 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H.

Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị S số tiền vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, ông N và bà H không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông N và bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H về việc yêu cầu ông N và bà H trả số tiền lãi là 4.166.650 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Cao Thị S không phải chịu án phí, bà S có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 729.000 đồng (Bảy trăm hai mươi chin nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004846 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai bà Cao Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ